

Phụ Chú Giải Tập Yếu Luật Tạng – 1. Luận giải về việc nằm nghỉ ban ngày

1. Divāseyyavinicchayakathā

1. Lời Bàn về Phán Định việc Nằm Nghỉ Ban Ngày

1. Tattha **divāseyyā**ti divānipajjanaṃ. Tatrāyaṃ vinicchayo – “anujānāmi, bhikkhave, divā paṭisallīyantena dvāraṃ saṃvaritvā paṭisallīyitu”nti (pārā. 77) vacanato divā nipajjantena dvāraṃ saṃvaritvā nipajjitabbaṃ. Ettha ca kiñcāpi pāliyaṃ “ayaṃ nāma āpatti”ti na vuttā, vivaritvā nipannadosena pana uppanne vatthusmiṃ dvāraṃ saṃvaritvā nipajjitum anuññātattā asaṃvaritvā nipajjantassa **aṭṭhakathāyaṃ** dukkaṃ (pārā. aṭṭha. 1.77) vuttaṃ. Bhagavato hi adhippāyaṃ ñatvā upālittherādīhi aṭṭhakathā ṭhapitā. “Atthāpatti divā āpajjati, no ratti”nti (pari. 323) imināpi cetam siddham.

1. Ở đây, **nằm nghỉ ban ngày** có nghĩa là việc nằm xuống vào ban ngày. Về vấn đề ấy, đây là lời phán định: “Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị đang độc cư vào ban ngày được đóng cửa lại rồi độc cư.” (pārā. 77) do đó, vị nào nằm vào ban ngày thì phải đóng cửa lại rồi nằm. Và ở đây, mặc dù trong tạng Pāli đã không có nói đến: “Đây là tội tên là như vậy,” nhưng do vì tội nằm nghỉ với cửa mở đã sanh lên trong sự việc, và vì đã được cho phép nằm nghỉ sau khi đã đóng cửa lại, nên đối với vị nằm nghỉ mà không đóng cửa lại, **trong Chú Giải** đã nói là phạm tội Tác Ác (pārā. aṭṭha. 1.77). Thật vậy, sau khi đã biết được ý của đức Thế Tôn, các vị như trưởng lão Upāli đã thiết lập nên Chú Giải. Điều này cũng được thành tựu bởi câu: “Có tội vào ban ngày, không có vào ban đêm.” (pari. 323).

2. Kīdisaṃ pana dvāraṃ saṃvaritabbaṃ, kīdisaṃ na saṃvaritabbaṃ?

Rukkhapadaraveḷupadarakilañjapaṇṇādīnaṃ yena kenaci kavāṭaṃ katvā heṭṭhā udukkhale upari uttarapāsake ca pavesetvā kataṃ parivattakadvārameva saṃvaritabbaṃ. Aññaṃ gorūpānaṃ vajesu viya rukkhasūcikaṇṭakadvāraṃ, gāmathakanakaṃ cakkalakayuttadvāraṃ, phalakesu vā kiṭikāsu vā dve tīṇi cakkalakāni yojetvā kataṃ saṃsaraṇakiṭikadvāraṃ, āpaṇesu viya kataṃ ugghāṭanakiṭikadvāraṃ, dvīsu tīsu ṭhānesu veḷusalākā gopphetvā paṇṇakuṭīsu kataṃ salākahatthakadvāraṃ, dussasāṇidvāranti evarūpaṃ dvāraṃ na saṃvaritabbaṃ. Pattahatthassa kavāṭappaṇāmane pana ekaṃ dussasāṇidvārameva anāpattikaraṃ, avasesāni paṇāmentassa āpatti. Divā paṭisallīyantassa pana parivattakadvārameva āpattikaraṃ, sesāni saṃvaritvā vā asaṃvaritvā vā nipajjantassa āpatti natthi, saṃvaritvā pana nipajjitabbaṃ, etaṃ vattaṃ.

2. Vậy, loại cửa nào nên được đóng, loại cửa nào không nên được đóng? Cánh cửa được làm bằng bất cứ vật liệu gì như mảnh gỗ, mảnh tre, chiếu, lá cây,... được làm thành, phía dưới cho vào cối cửa, phía trên cho vào ngỗng cửa, chỉ có loại cửa xoay được làm như thế

mới phải đóng lại. Các loại cửa khác như cửa gai bằng cọc cây giống như ở các chuồng bò, cửa có bánh xe và chốt khóa của dân làng, cửa sổ trượt được làm bằng cách gắn hai ba bánh xe vào các tấm ván hoặc cửa sổ, cửa sổ mở lên được làm giống như ở các gian hàng, cửa có tay cầm bằng thanh tre được làm ở các am lá bằng cách bện các thanh tre ở hai ba chỗ, và cửa bằng màn vải, loại cửa như vậy thì không cần phải đóng. Tuy nhiên, khi đẩy cánh cửa lúc tay đang cầm bát, chỉ có cửa màn vải là không có tội, còn đẩy các loại cửa còn lại thì có tội. Hơn nữa, đối với vị đang độc cư ban ngày, chỉ có cửa xoay mới là nguyên nhân gây ra tội, còn nằm nghỉ khi đóng hoặc không đóng các loại cửa khác thì không có tội, nhưng nên đóng lại, đó là phận sự.

3. Parivattakadvāraṃ kittakena saṃvutaṃ hoti? Sūcighaṭikāsu dinnāsu saṃvutameva hoti. Apica kho sūcimattepi dinne vaṭṭati, ghaṭikāmattepi dinne vaṭṭati, dvārabāhaṃ phusitvā ṭhapitamattepi vaṭṭati, īsakam aphaṣitepi vaṭṭati, sabbantimena vidhinā yāvatā sīsaṃ nappavisati, tāvatā aphaṣitepi vaṭṭati. Sace bahūnaṃ vaḷaṇṇjanaṭṭhānaṃ hoti, bhikkhuṃ vā sāmaṇeraṃ vā “dvāraṃ, āvuso, jaggāhī”ti vatvāpi nipajjitum vaṭṭati. Atha bhikkhū cīvarakammaṃ vā aññaṃ vā kiñci karontā nisinnā honti, “ete dvāraṃ jaggissantī”ti ābhogaṃ katvāpi nipajjitum vaṭṭati. **Kurundaṭṭhakathāyaṃ pana “upāsakampi āpucchitvā vā ‘esa jaggissantī’ti ābhogaṃ katvā vā nipajjitum vaṭṭati, kevalaṃ bhikkhunim vā mātugāmaṃ vā āpucchitum na vaṭṭatī”ti vuttaṃ, taṃ yuttaṃ. Evaṃ sabbatthapi yo yo theravādo vā aṭṭhakathāvādo vā pacchā vuccati, so sova pamāṇanti gahetabbam.**

3. Cửa xoay được xem là đã đóng ở mức độ nào? Khi đã gài chốt và then, nó được xem là đã đóng. Hơn nữa, chỉ gài chốt cũng được, chỉ gài then cũng được, chỉ cần đặt nó chạm vào khung cửa cũng được, hơi không chạm cũng được, theo cách cuối cùng, miễn là đầu không thể lọt qua, thì không chạm cũng được. Nếu đó là nơi có nhiều người qua lại, cũng được phép nằm nghỉ sau khi đã nói với một Tỳ-khưu hoặc một vị sa-di rằng: “Này hiền giả, hãy trông chừng cửa.” Hoặc nếu các Tỳ-khưu đang ngồi làm y hoặc việc gì khác, cũng được phép nằm nghỉ sau khi đã tác ý rằng: “Các vị này sẽ trông chừng cửa.” Tuy nhiên, **trong Chú Giải Kurunda** có nói: “Cũng được phép nằm nghỉ sau khi đã hỏi một nam cận sự hoặc sau khi đã tác ý rằng ‘vị này sẽ trông chừng’, chỉ là không được phép hỏi một Tỳ-khưu ni hoặc một người nữ”, điều đó là hợp lý. Như vậy, ở khắp mọi nơi, bất cứ thuyết nào của Trưởng Lão hoặc thuyết nào của Chú Giải được nói sau, thì chính thuyết đó phải được xem là tiêu chuẩn.

4. Atha dvārassa udukkhalaṃ vā uttarapāsako vā bhinno hoti aṭṭhapito vā, saṃvaritum na sakkoti, navakammaṭṭhaṃ vā pana iṭṭhakapuñño vā mattikādīnaṃ vā rāsi antodvāre kato hoti, aṭṭaṃ vā bandhanti, yathā saṃvaritum na sakkoti. Evarūpe antarāye sati asaṃvaritvāpi nipajjitum vaṭṭati. Yadi pana kavāṭaṃ natthi, laddhakappameva. Upari sayantena nissenim āropetvā nipajjitabbam. Sace nissenimatthake thakanakaṃ hoti, thaketvāpi nipajjitabbam. Gabbhe nipajjantena gabbhadvāraṃ vā pamukhadvāraṃ vā

yaṃ kiñci saṃvaritvā nipajjitum vaṭṭati. Sace ekakuṭṭake gehe dvīsu passesu dvārāni katvā vaḷaṅjanti, dvepi dvārāni jaggitabbāni, tibhūmakepi pāsāde dvāraṃ jaggitabbameva. Sace bhikkhācārā paṭikkamma lohapāsādasadisam pāsādam bahū bhikkhū divāvihārattham pavisanti, saṅghattherena dvārapālassa “dvāraṃ jaggāhī”ti vatvā vā “dvārajagganam nāma etassa bhāro”ti ābhogaṃ katvā vā pavisitvā nipajjitabbam. Yāva saṅghanavakena evameva kātabbam. Pure pavisantānam “dvārajagganam nāma pacchimānam bhāro”ti evam ābhogaṃ kātumpi vaṭṭati. Anāpucchā vā ābhogaṃ akatvā vā antogabbhe vā asaṃvutadvāre bahi vā nipajjantānam āpatti. Gabbhe vā bahi vā nipajjanakālepi “dvārajagganam nāma mahādvāre dvārapālassa bhāro”ti ābhogaṃ katvā nipajjitum vaṭṭatiyeva. Evam lohapāsādādīsu ākāsatale nipajjantenapi dvāraṃ saṃvaritabbameva.

4. Nếu cố cửa hoặc ngõ cửa bị bể hoặc bị lệch, không thể đóng lại được, hoặc có một đồng gạch hoặc một đồng đất sét... được chôn ở bên trong cửa cho công việc xây dựng mới, hoặc người ta đang dựng giàn giáo, đến nỗi không thể đóng cửa được. Khi có trở ngại như vậy, cũng được phép nằm nghỉ mà không đóng cửa. Nhưng nếu không có cánh cửa, thì đó là điều được phép. Vị nằm ở tầng trên phải kéo thang lên rồi nằm nghỉ. Nếu trên đầu thang có nắp dẫy, cũng nên dẫy lại rồi nằm nghỉ. Vị nằm trong phòng trong, được phép nằm nghỉ sau khi đóng cửa phòng trong hoặc cửa chính, bất cứ cửa nào. Nếu trong một ngôi nhà vách đơn, người ta làm cửa ở hai bên và sử dụng, cả hai cửa đều phải được trông chừng, ngay cả trong một lâu đài ba tầng, cửa cũng phải được trông chừng. Nếu sau khi đi khát thực về, nhiều Tỳ-khưu vào một lâu đài giống như Lohapāsāda để nghỉ ngơi ban ngày, vị Trưởng Lão của Tăng chúng phải vào rồi nằm nghỉ sau khi đã nói với người giữ cửa rằng “hãy trông chừng cửa” hoặc sau khi đã tác ý rằng “việc trông chừng cửa là trách nhiệm của người này.” Cho đến vị Tỳ-khưu trẻ nhất của Tăng chúng cũng phải làm như vậy. Những vị vào trước cũng được phép tác ý rằng: “Việc trông chừng cửa là trách nhiệm của những người vào sau.” Các vị nằm ở phòng trong hoặc bên ngoài với cửa không đóng, mà không hồi ý kiến hoặc không tác ý, thì phạm tội. Ngay cả khi nằm trong phòng hoặc bên ngoài, cũng được phép nằm nghỉ sau khi đã tác ý rằng: “Việc trông chừng cửa là trách nhiệm của người giữ cửa ở cổng chính.” Như vậy, ngay cả vị nằm ở sân thượng trong các nơi như Lohapāsāda cũng phải đóng cửa.

Ayañhettha saṅkhepo – idaṃ divāpaṭisallīyanam yena kenaci parikkhitte sadvārabandhe ṭhāne kathitam, tasmā abbhokāse vā rukkhamūle vā maṇḍape vā yattha katthaci sadvārabandhe nipajjantena dvāraṃ saṃvaritvāva nipajjitabbam. Sace mahāpariveṇam hoti mahābodhiyaṅgaṇalohapāsādaṅgaṇasadisam bahūnam osaraṇaṭṭhānam, yattha dvāraṃ saṃvutampi saṃvutaṭṭhāne na tiṭṭhati, dvāraṃ alabhantā pākāraṃ āruhitvāpi vicaranti, tattha saṃvaraṇakiccaṃ natthi. Rattim dvāraṃ vivaritvā nipanno aruṇe uggate vuṭṭhāti, anāpatti. Sace pana pabujjhitvā puna supati, āpatti. Yo pana “aruṇe uggate vuṭṭahissāmī”ti paricchinditvāva dvāraṃ asaṃvaritvā rattim nipajjati,

yathāparicchedameva vuṭṭhāti, tassa āpattiyeva. **Mahāpaccariyaṃ** pana “evaṃ nipajjanto anādariyadukkaṭṭhāpi na muccatī”ti vuttaṃ.

Đây là phần tóm tắt ở đây: Việc độc cư ban ngày này đã được nói đến ở một nơi có rào bao quanh và có cửa đóng, bất kể được bao quanh bởi thứ gì, do đó, vị nào nằm nghỉ ở ngoài trời, dưới gốc cây, trong một cái lều, hoặc bất cứ nơi nào có cửa đóng, thì phải đóng cửa lại rồi mới nằm. Nếu đó là một tu viện lớn, một nơi tụ họp của nhiều người, giống như sân Đại Tháp Bồ Đề, sân Lohapāsāda, nơi mà cửa dù đã đóng cũng không ở yên vị trí đóng, những người không tìm thấy cửa còn trèo tường để đi lại, thì ở đó không có phạm sự phải đóng. Vị nằm nghỉ ban đêm với cửa mở, thức dậy khi rạng đông, thì không phạm tội. Nhưng nếu sau khi tỉnh giấc lại ngủ tiếp, thì phạm tội. Còn vị nào quyết định rằng “tôi sẽ thức dậy khi rạng đông” rồi nằm nghỉ ban đêm mà không đóng cửa, và thức dậy đúng như đã quyết định, vị ấy vẫn phạm tội. **trong Đại Chú Giải Paccari** có nói: “Vị nằm nghỉ như vậy cũng không thoát khỏi tội Tác Ác do không tôn trọng.”

5. Yo pana bahudeva rattim jaggitvā addhānaṃ vā gantvā divā kilantarūpo mañce nisinno pāde bhūmito amocetvāva niddāvasena nipajjati, tassa anāpatti. Sace okkantāniddo ajānantopi pāde mañcakam āropeti, āpattiyeva. Nisīditvā apassāya supantassa anāpatti. Yopi ca “niddaṃ vinodessāmī”ti caṅkamanto patitvā sahasā vuṭṭhāti, tassapi anāpatti. Yo pana patitvā tattheva sayati, na vuṭṭhāti, tassa āpatti.

5. Còn vị nào đã thức suốt đêm hoặc đã đi một quãng đường dài, ban ngày mệt mỏi, ngồi trên giường và ngủ thiếp đi mà chân vẫn chưa rời khỏi mặt đất, vị ấy không phạm tội. Nếu cơn buồn ngủ ập đến, dù không biết mà gác chân lên giường, thì vẫn phạm tội. Vị ngủ trong tư thế ngồi tựa thì không phạm tội. Vị nào đang đi kinh hành với ý định “ta sẽ xoa tan cơn buồn ngủ” rồi bị ngã và đứng dậy ngay lập tức, vị ấy cũng không phạm tội. Nhưng vị nào ngã rồi nằm luôn tại chỗ, không đứng dậy, vị ấy phạm tội.

Ko muccati, ko na muccatīti? **Mahāpaccariyaṃ** tāva “ekabhaṅgena nipannako eva muccati. Pāde pana bhūmito mocetvā nipannopi yakkhagahitakopi visaññībhūtopi na muccatī”ti vuttaṃ. **Kurundaṭṭhakathāyaṃ** pana “bandhitvā nipajjāpitova muccatī”ti vuttaṃ. **Mahāaṭṭhakathāyaṃ** pana “yo caṅkamanto mucchitvā patito tattheva supati, tassapi avisayatāya āpatti na dissati. Ācariyā pana evaṃ na kathayanti, tasmā āpattiyevāti mahāpadumattherena vuttaṃ. Dve pana janā āpattito muccantiyeva, yo ca yakkhagahitako, yo ca bandhitvā nipajjāpito”ti.

Ai được miễn trừ, ai không được miễn trừ? Trước hết, **trong Đại Chú Giải Paccari** nói: “Chỉ người nằm ở một tư thế mới được miễn trừ. Còn người nằm mà chân rời khỏi mặt đất, người bị dạ xoa ám, người bất tỉnh cũng không được miễn trừ.” Tuy nhiên, **trong Chú Giải Kurunda** nói: “Chỉ người bị trói rồi bị bắt nằm xuống mới được miễn trừ.” Tuy nhiên, **trong Đại Chú Giải** nói: “Vị nào đang đi kinh hành, bị ngắt và ngã, rồi ngủ luôn tại chỗ, tội của vị ấy cũng không được thấy do không thuộc phạm vi khả năng. Nhưng các vị Giáo Thọ Sư không nói như vậy, do đó, ngài Trưởng Lão Mahāpaduma đã nói rằng đó vẫn là tội.

Tuy nhiên, có hai hạng người được miễn trừ tội, đó là người bị dạ xoa ám và người bị trói rồi bị bắt nằm xuống.”

Iti pāḷimuttakavinayavinicchayaṅgahe

Trong tập hợp những phán định về luật ngoài Pāḷi,

Divāseyyavinicchaya kathā samattā.

Lời Bàn về Phán Định việc Nằm Nghỉ Ban Ngày chấm dứt.